

Số: 105/2023/QĐST-HNGĐ

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 20 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 434/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Khu phố 4, phường V, thành phố P, tỉnh N.

Và: Bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm: 1988;

HKTT: Khu phố 4, phường V, thành phố P, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã D, huyện T, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà D tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P, tỉnh N vào năm 2014. Hai bên gia đình không tổ chức cưới hỏi, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ lúc mâu thuẫn cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên hai vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Q và bà D xác nhận có 02 con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày: 04/01/2013 và Trần Quốc Đ, sinh ngày: 11/02/2020. Hai bên thỏa thuận là giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông Q có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi 02 con chung số tiền là 10.000.000 đồng/tháng/02 con (5.000.000 đồng/tháng/01 con).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Q và bà D, mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Q và bà Phạm Thị Mỹ D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày: 04/01/2013 và Trần Quốc Đ, sinh ngày: 11/02/2020 cho bà Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền là 10.000.000 đồng/tháng/02 con (5.000.000 đồng/tháng/01 con).

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi “Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự” có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

“Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn Q và bà Phạm Thị Mỹ D, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

lệ phí ly hôn sơ thẩm Ông Q và bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005506 ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh N. Ông Q và bà D đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường V;
- TAND tỉnh N;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hồng